TAND HUYỆN LG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H7nh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày 18-10-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Mai

Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: 1. Anh Đồng Bá B, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

2. Chị Đồng Thị Tuyên, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đồng Thị T1: Anh Đồng Bá B, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ HKTT: Thôn H7, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Phố B4, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

-*Bị đơn:* Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H7, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Vương Thị CH, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H7, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

-*Người làm chứng*:

1. Anh Chu Đức TH, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn K, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Đồng Thị A0, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phố B4, xã A, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1thống nhất quan điểm trình bày:* Gia đình anh chị có kinh doanh hiệu cầm đồ cho vay tiền anh Hoàng Văn C là hàng xóm có đến gia vay anh chị vay tiền về mục đích để làm ăn kinh doanh, vợ chồng anh chị có cho anh Hoàng Văn C vay tiền các lần cụ thể như sau:

Lần 1 ngày 15/8/2021 anh C có vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng không hẹn ngày thanh toán. Sau khi vay tiền anh C đã trả tiền lãi đầy đủ đến ngày 15/01/2023, tiền gốc còn nợ nguyên.

Lần 2 ngày 28/8/2021 anh C có vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng không hẹn ngày thanh toán. Sau khi vay tiền anh C đã trả tiền lãi đầy đủ đến ngày 28/12/2022, tiền gốc còn nợ nguyên.

Lần 3 ngày 23/6/2022 anh C có vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng không hẹn ngày thanh toán. Sau khi vay tiền anh C đã trả tiền lãi đầy đủ đến ngày 23/12/2022, tiền gốc còn nợ nguyên.

Lần 4 ngày 09/8/2022 anh C có tiếp vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng không hẹn ngày thanh toán. Sau khi vay tiền anh C đã trả tiền lãi đầy đủ đến ngày 09/12/2022, tiền gốc còn nợ nguyên.

Lần 5 ngày 09/12/2022 anh C vay tiếp số tiền là 150.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng không hẹn ngày thanh toán. Sau khi vay tiền anh C chưa trả đồng nào tiền lãi, tiền gốc còn nợ nguyên.

Lần 6 ngày 21/12/2022 anh C có vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng không hẹn ngày thanh toán. Sau khi vay tiền anh C đã trả tiền lãi đầy đủ đến ngày 21/01/2023, tiền gốc còn nợ nguyên.

Tổng cộng số tiền gốc còn nợ của sáu lần vay là **600.000.000** đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Nay anh, chị yêu cầu anh Hoàng Văn C phải trả số tiền gốc còn nợ là **600.000.000** đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày tiếp theo đã trả lãi của các lần đã vay tiền mức lãi suất là 1,5%/ tháng tính đến ngày xét xử, tổng tiền lãi là **87.825.000** đồng. Tổng cả gốc và lãi là **687.825.000** đồng.

Tại phiên tòa anh Đồng Bá B có gửi đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

***** *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày:* Anh nhất trí với lời khai của anh Đồng Bá B, chị Đồng Thị T1đã trình bày về các lần vay tiền và tổng số tiền gốc anh đã vay của gia đình anh B, chị Tuyên là đúng. Sau khi

vay tiền xong hàng tháng anh có trả tiền lãi cho gia đình anh B không viết giấy tờ, ngoài ra anh đã chuyển khoản qua tài khoản của Ngân hàng trả anh B nhưng anh không nhớ cụ thể và không có tài liệu gì để chứng minh. Quan điểm của anh chỉ còn nợ anh B số tiền gốc là **540.000.000** đồng và đồng ý trả số tiền gốc còn nợ này, không đồng ý trả số tiền gốc anh B yêu cầu trả là **600.000.000** đồng. Đối với số tiền lãi anh B yêu cầu anh không đồng ý trả tiền lãi cho anh B. Do hiện nay anh đang bị tạm giam nên anh xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn C vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vương Thị CH trình bày:* Chị là vợ của anh Hoàng Văn C. Chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 92 ngày 13/6/2023 của TAND huyện LG về việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh Đồng Bá B, chị Đồng Thị T1với anh Hoàng Văn C là chồng chị và cũng đã được gặp anh Hoàng Văn C và thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của anh B, chị Tuyên đối với anh C.

Đối với nội dung anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1khởi kiện về các lần anh Hoàng Văn C vay tổng số tiền gốc là **600.000.000** đồng và số tiền lãi mà anh B chị Tuyên yêu cầu tính mức 1,5%/ tháng của các lần vay tiền đến ngày xét xử quan điểm của chị không đồng ý cùng anh C trả khoản tiền gốc và lãi mà anh C đã vay trên. Vì việc anh C vay tiền của gia đình anh B, chị Tuyên không bàn bạc với chị, chị không được biết và không được ký vào các giấy vay tiền này. Số tiền anh C vay là để chơi bời cờ bạc và hiện nay anh C đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Bắc Giang về hành vi Đánh bạc. Việc anh B, chị Tuyên cho anh C vay tiền cũng chưa bao giờ anh chị thông báo cho chị biết về khoản nợ này. Đến khi anh B, chị Tuyên có đơn khởi kiện được Tòa án thông báo chị mới được biết đến khoản nợ này. Chị xác định đây là khoản nợ riêng của anh C một mình anh C phải có trách nhiệm trả cho anh B, chị Tuyên, chị không có liên quan gì đến khoản nợ này. Do bận công việc chị xin vắng mặt tất cả quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa chị Vương Thị CH có đơn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị Tuyên.

Buộc anh Hoàng Văn C phải trả anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1số tiền nợ gốc là **600.000.000** đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là **87.825.000** đồng (Tám mươi B triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng là **687.825.000** đồng (Sáu trăm tám mươi B triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Ngày 13/6/2023, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của anh Đồng Bá B, chị Đồng Thị T1với bị đơn anh Hoàng Văn C có địa chỉ tại thôn H7, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do anh Đồng Bá B, chị Đồng Thị T1cung cấp thì thấy từ ngày 15/8/2021 đến ngày 21/12/2022 anh Đồng Bá B, chị Đồng Thị T1và anh Hoàng Văn C có sáu lần xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền gốc anh B, chị Tuyên cho anh Hoàng Văn C vay tổng cộng là **600.000.000** đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản kỳ H7n thỏa thuận miệng, có thỏa thuận lãi suất 1,5%/ tháng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị Tuyên, HĐXX xét thấy: Từ ngày 15/8/2021 đến ngày 21/12/2022

anh Đồng Bá B, chị Đồng Thị T1có xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền gốc anh B, chị Tuyên cho anh Hoàng Văn C vay sáu lần tổng số tiền gốc là **600.000.000** đồng, các lần vay tiền anh C đều ký và điểm chỉ vào phần người vay tiền và có người làm chứng ký tên trong các giấy vay tiền. HĐXX xét thấy giao dịch dân sự được xác lập giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự anh B, chị Tuyên và anh Hoàng Văn C đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi pH7m điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ khi vay tiền xong đến H7n trả nợ như hai bên thỏa thuận miệng, phía anh C đã vi pH7m nghĩa vụ thanh toán trả tiền như thỏa thuận giữa hai bên về tiền gốc và tiền lãi. Nay anh B, chị Tuyên khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Văn C phải trả cho gia đình anh B, chị Tuyên số tiền gốc còn nợ là **600.000.000** đồng. Phía bị đơn anh C xác nhận tổng số lần vay tiền là đúng, tuy nhiên anh cho rằng đã trả cho gia đình anh B một phần số tiền gốc và hiện chỉ còn nợ số tiền gốc là **540.000.000** đồng ngoài lời khai anh C không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh về việc đã trả tiền cho gia đình anh B, chị Tuyên. Xét thấy việc anh C đã vi pH7m nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi như thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của anh B, chị Tuyên buộc anh Hoàng Văn C phải trả số tiền gốc còn nợ là **600.000.000** đồng là có căn cứ là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận.

**Về yêu cầu tính tiền lãi:* Anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1yêu cầu anh Hoàng Văn C phải trả tiền lãi tính từ ngày tiếp theo đã trả lãi của các lần vay tiền đến ngày xét xử mức tính lãi là 1,5%/tháng, số tiền lãi được tính như sau:

Lần 1 ngày 15/8/2021 anh C vay số tiền là 50.000.000 đồng, tiền lãi đã trả đến ngày 15/01/2023. Tiền lãi tính từ ngày 16/01/2023 đến ngày 18/10/2023 là **09** tháng **02** ngày số tiền lãi là **6.800.000** đồng.

Lần 2 ngày 28/8/2021 anh C vay số tiền là 100.000.000 đồng, đã trả tiền lãi đến ngày 28/12/2022. Tiền lãi tính từ ngày 29/12/2022 đến ngày 18/10/2023 là **09** tháng **19** ngày số tiền lãi là **14.450.000** đồng.

Lần 3 ngày 23/6/2022 anh C vay số tiền là 100.000.000 đồng, đã trả tiền lãi đến ngày 23/12/2022. Tiền lãi tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 18/10/2023 là **09** tháng **24** ngày số tiền lãi là **14.700.000** đồng.

Lần 4 ngày 09/8/2022 anh C vay số tiền là 100.000.000 đồng, đã trả tiền lãi đến ngày 09/12/2022. Tiền lãi tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 18/10/2023 là **10** tháng **08** ngày số tiền lãi là **15.400.000** đồng.

Lần 5 vào ngày 09/12/2022 anh C vay số tiền là 150.000.000 đồng, chưa trả lãi. Tiền lãi tính từ ngày 09/12/2022 đến ngày 18/10/2023 là **10** tháng **09** ngày số

tiền lãi là **23.175.000** đồng.

Lần 6 vào ngày 21/12/2022 anh C vay số tiền là 100.000.000 đồng, đã trả tiền lãi đến ngày 21/01/2023. Tiền lãi tính từ ngày 22/01/2023 đến ngày 18/10/2023 là **08** tháng **26** ngày số tiền lãi là **13.300.000** đồng.

Tổng số tiền lãi là **87.825.000** đồng.

HĐXX xét thấy việc anh C vay tiền của anh B, chị Tuyên trong giấy vay tiền có ghi lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, xét phía anh Hoàng Văn C sau khi vay tiền đã vi pH7m nghĩa vụ thanh toán tiền lãi như thỏa thuận, việc anh B, chị Tuyên yêu cầu tính lãi mức 1,5%/ tháng tính từ ngày tiếp theo đã trả lãi của các lần vay tiền đến ngày xét xử, số tiền lãi trên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả tiền:* Xét thấy việc anh Hoàng Văn C vay tiền sử dụng mục đích cá nhân, khi vay tiền không bàn bạc với chị CH, chị không được biết và ký các khoản nợ này và không đồng ý cùng anh C trả nợ. Xét thấy khoản nợ anh C vay của gia đình anh B, chị Tuyên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân chung sống giữa chị CH và anh C, tuy nhiên phía anh B, chị Tuyên chỉ yêu cầu anh C có trách nhiệm trả khoản nợ này. Do vậy cần buộc anh Hoàng Văn C phải trả cho gia đình anh B, chị Tuyên tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là **687.825.000 đồng (Sáu trăm tám mươi B triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1số tiền **15.000.000** (Mười lăm triệu đồng) ngày 13/6/2023 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lại thu số 005542 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LG.

Buộc anh Hoàng Văn C phải chịu **31.513.000** đồng (Ba mươi mốt triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với

nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị Tuyên.

Buộc anh Hoàng Văn C phải trả anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1số tiền nợ gốc là **600.000.000** đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là **87.825.000** đồng (Tám mươi B triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng là **687.825.000** đồng (Sáu trăm tám mươi B triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đồng Bá B và chị Đồng Thị T1số tiền **15.000.000** (Mười lăm triệu đồng) ngày 13/6/2023 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lại thu số 005542 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện LG.

Buộc anh Hoàng Văn C phải chịu **31.513.000** đồng (Ba mươi mốt triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong H7n 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Hoa